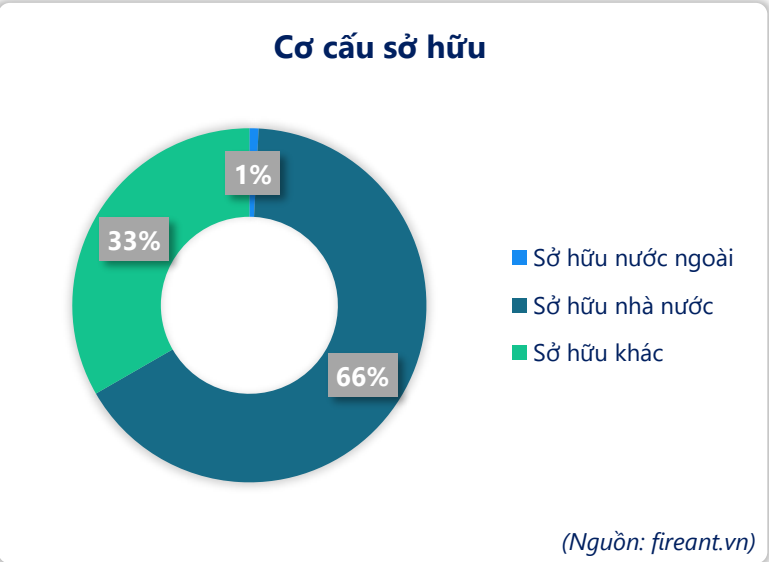
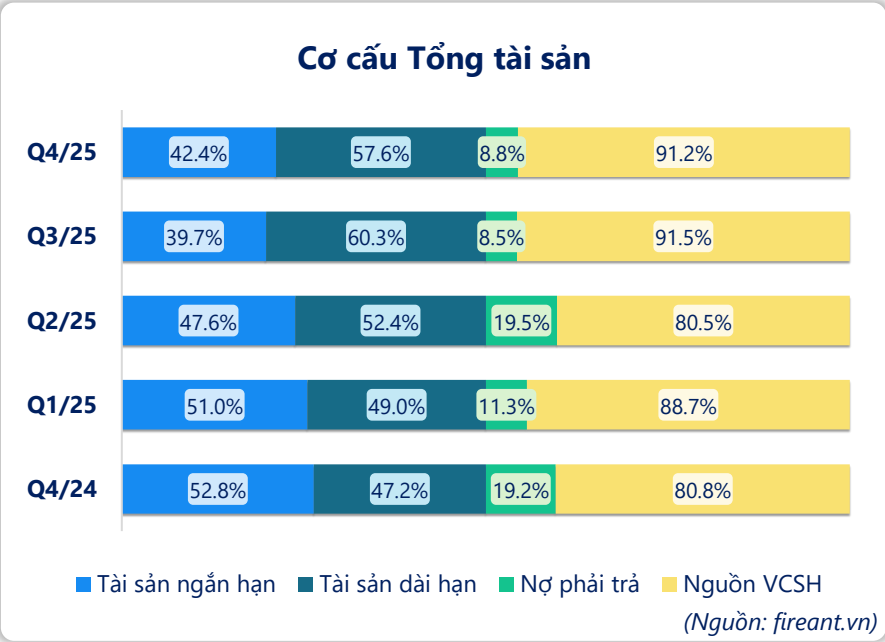
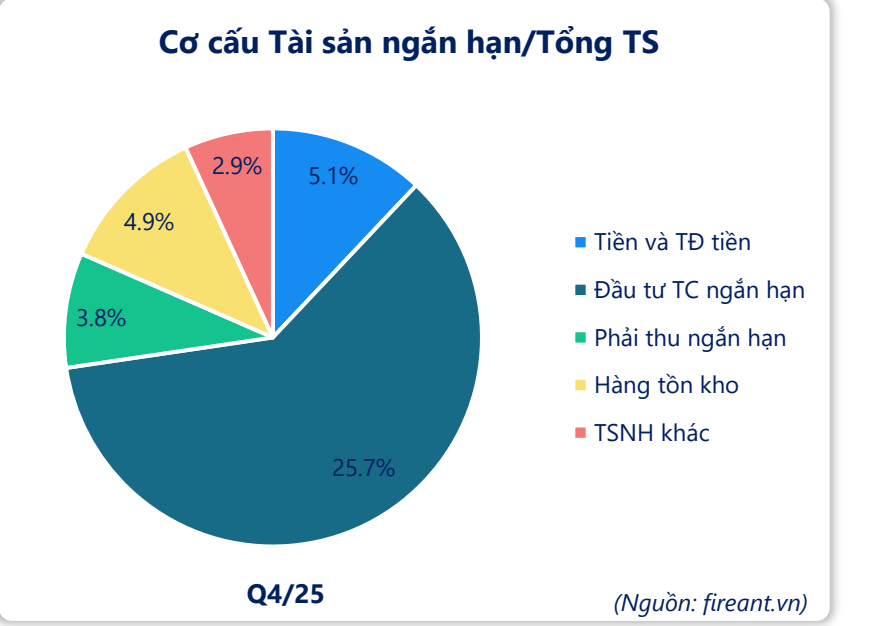
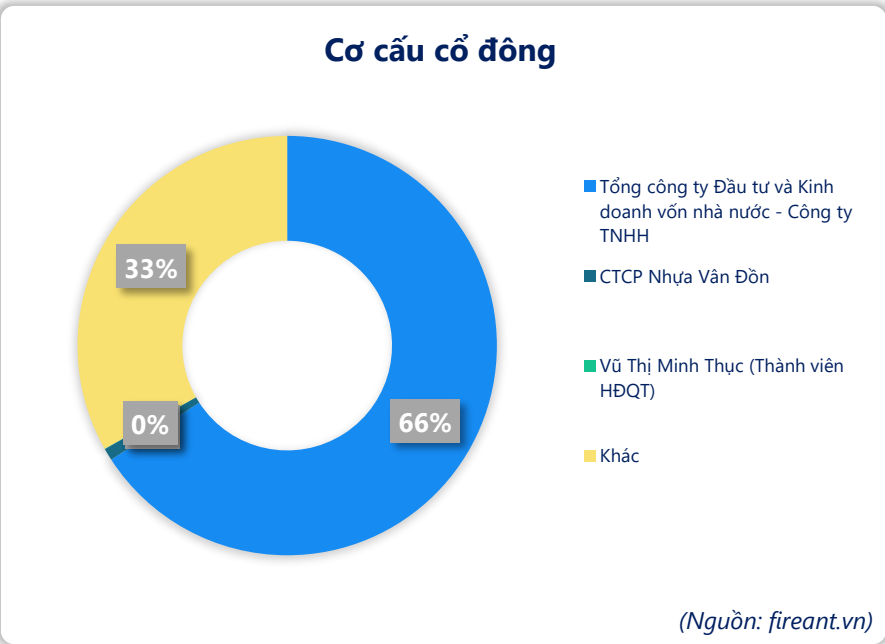
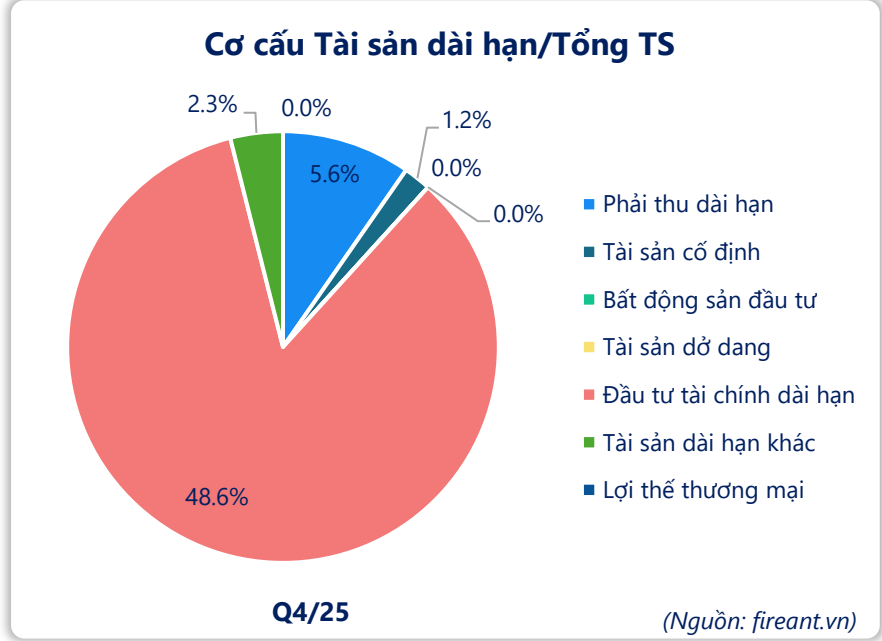
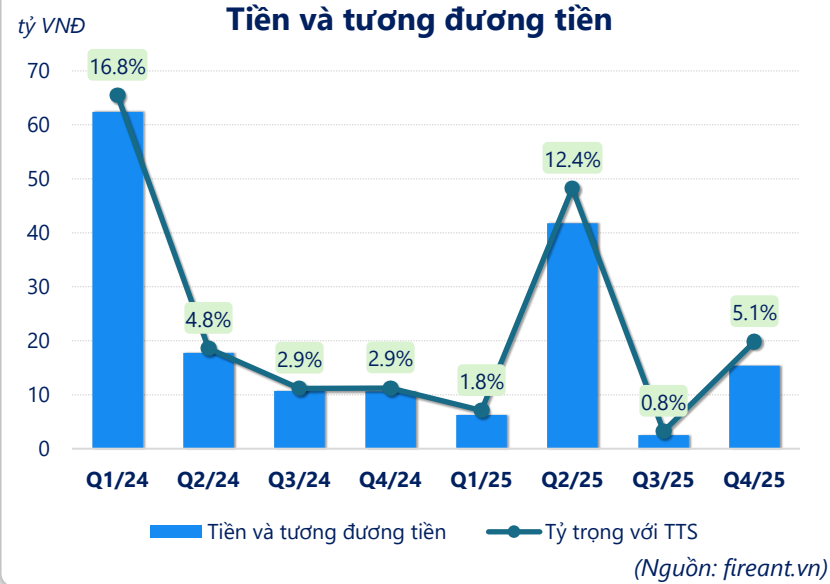
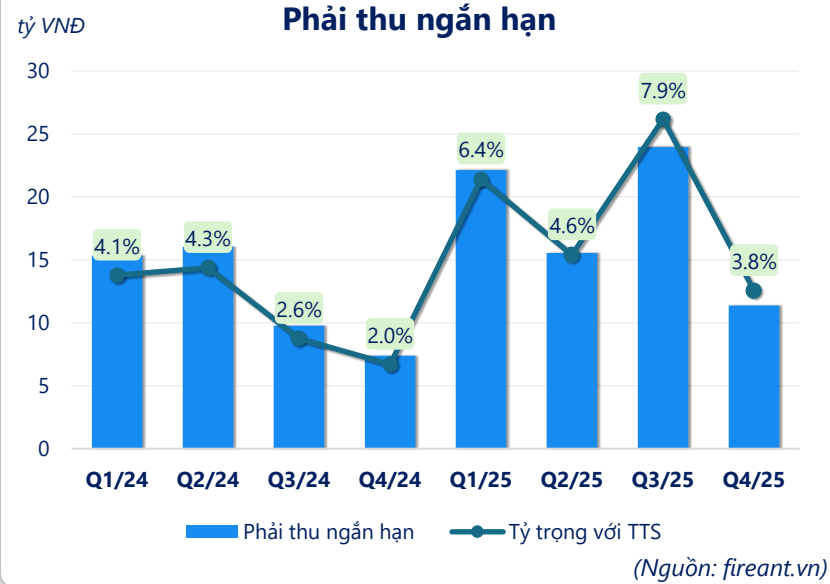
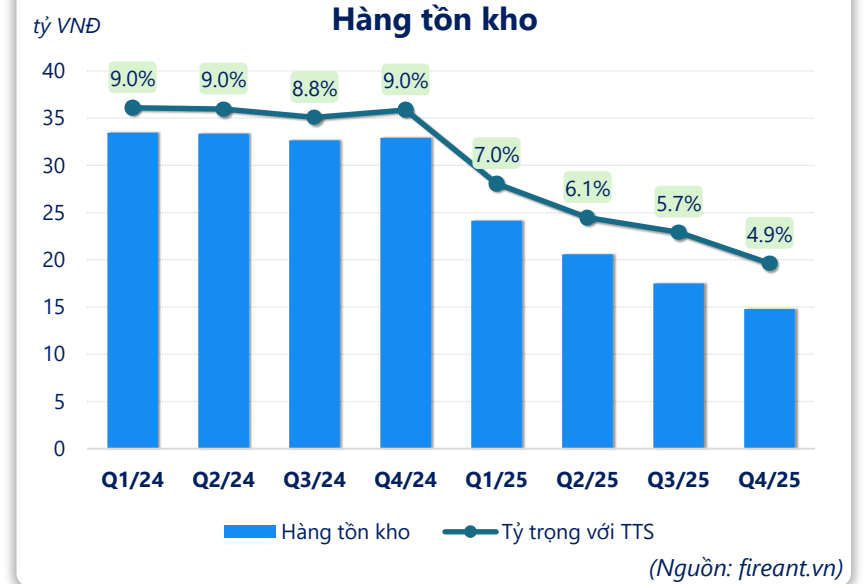
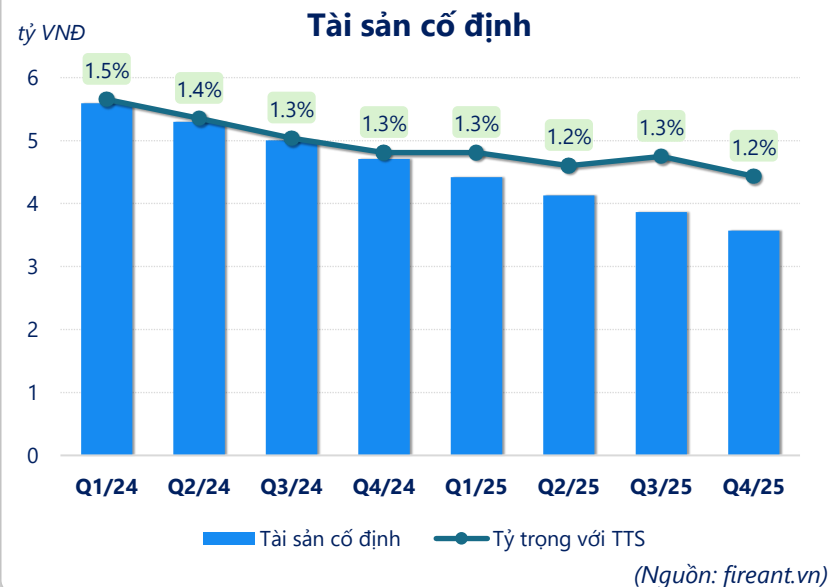
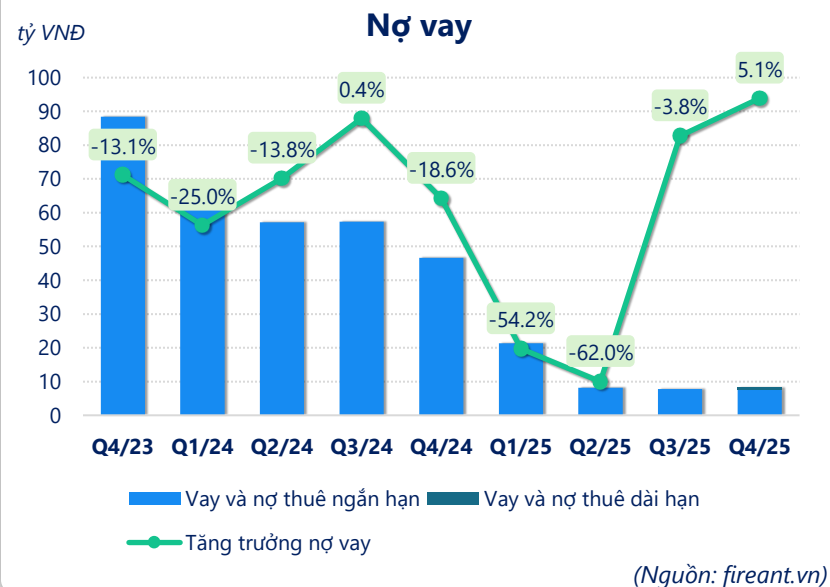
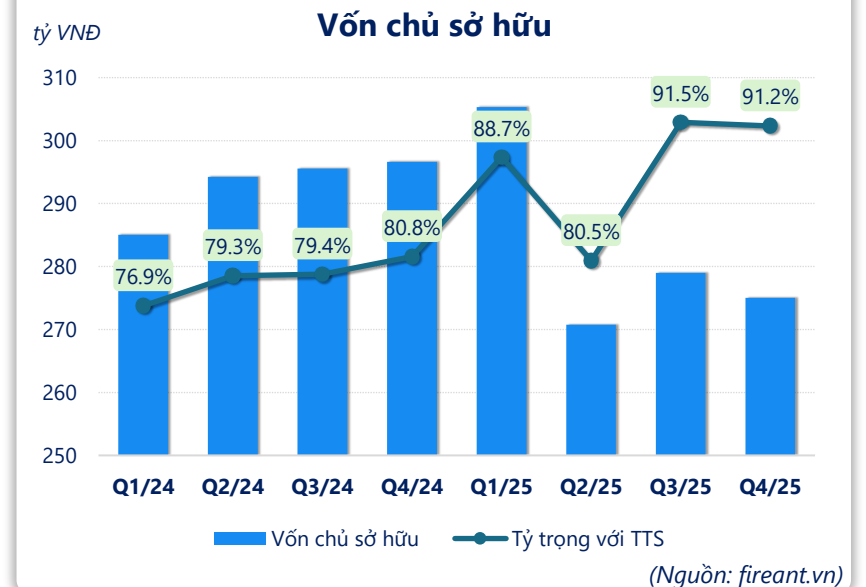
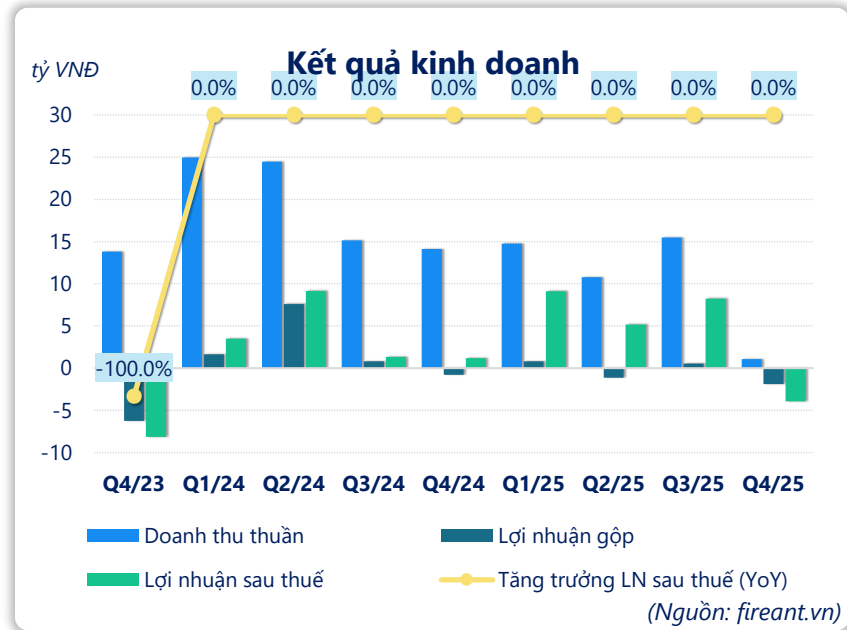
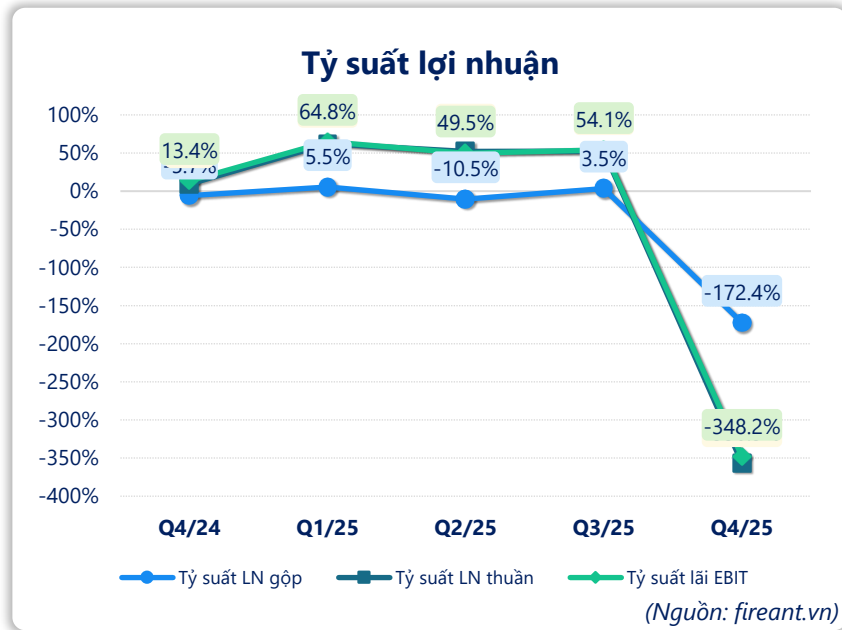
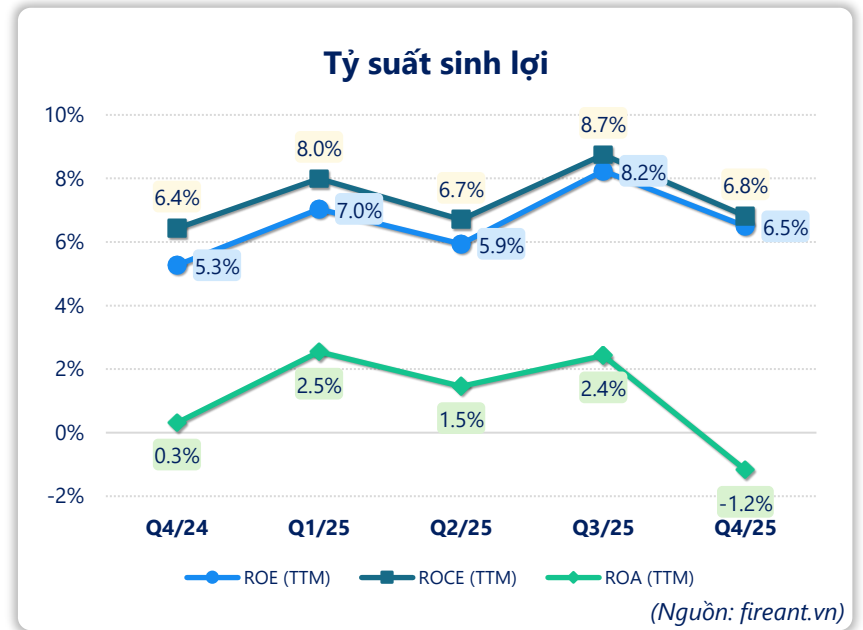
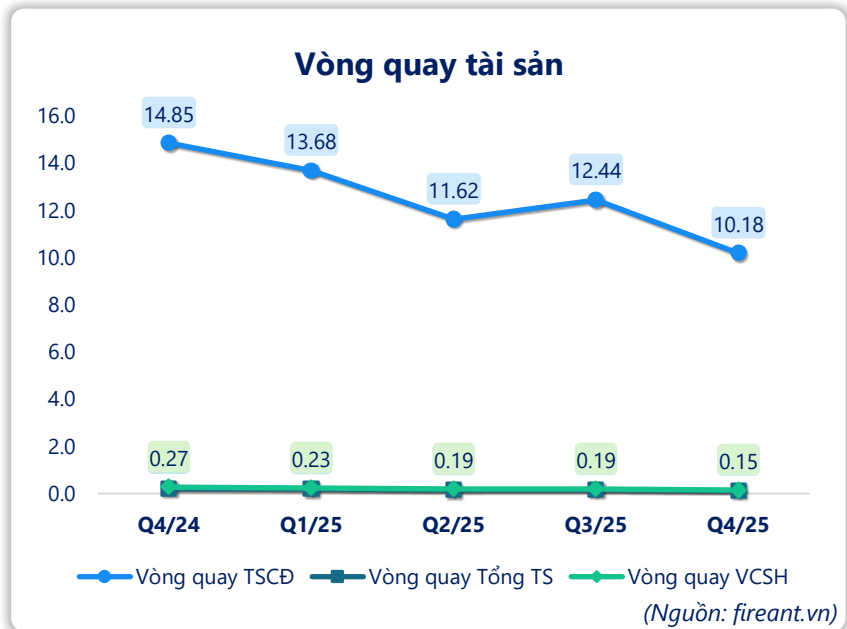
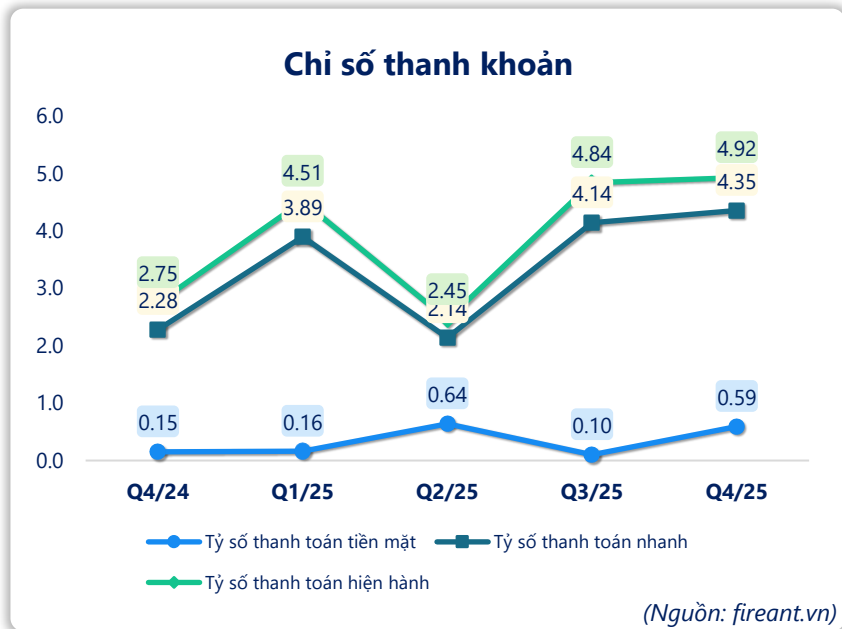
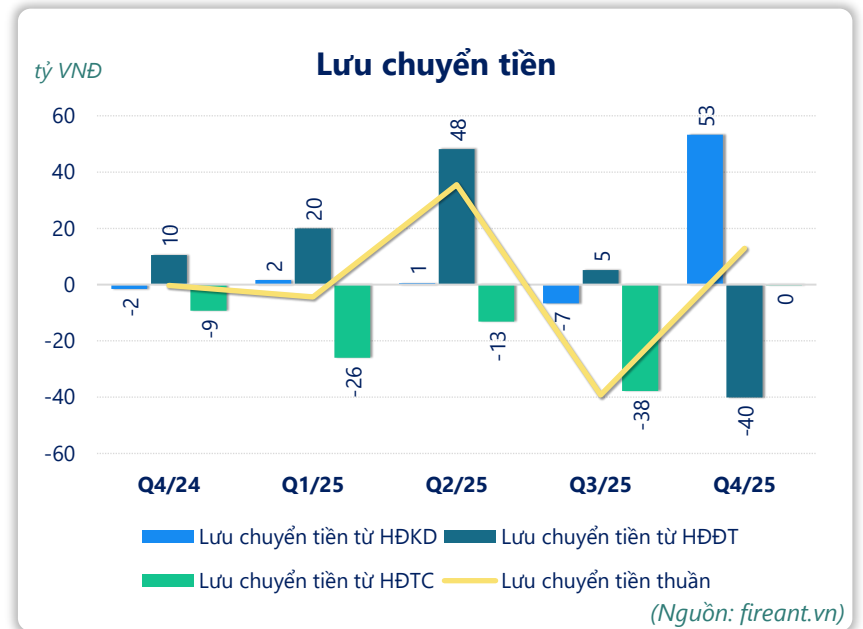


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,433
SL cổ phiếu LH		19,428,913
KLGD BQ 20 phiên (CP)		120,655
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		412
P/E		22.2
EPS		955

	YTD	1T	3T	6T
VNP	141.2%	-9.4%	66.9%	41.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	302	367	-17.7%
Tài sản ngắn hạn	128	193	-33.8%
Tiền và tương đương tiền	15.4	10.6	44.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.5	134	-42.0%
Phải thu ngắn hạn	11.4	7.30	55.7%
Hàng tồn kho	14.8	32.4	-54.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.77	9.21	-4.8%
Tài sản dài hạn	174	173	0.3%
Phải thu dài hạn	16.8	21.0	-20.0%
Tài sản cố định	3.57	4.71	-24.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	147	141	4.4%
Tài sản dài hạn khác	6.84	7.10	-3.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26.7	70.3	-62.1%
Nợ ngắn hạn	26.0	70.3	-63.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.51	46.7	-83.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.90	5.66	-66.5%
Nợ dài hạn	0.70	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0.70	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	275	296	-7.2%
Vốn chủ sở hữu	275	296	-7.2%
Vốn điều lệ	194	194	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	14.1	14.8	10.8	15.5	1.09
Giá vốn hàng bán	14.9	14.0	11.9	14.9	2.96
Lợi nhuận gộp	-0.80	0.81	-1.13	0.54	-1.88
Doanh thu HĐTC	3.27	1.52	1.38	0.98	1.08
Chi phí TC	0.73	1.19	0.19	0.15	0.15
Chi phí lãi vay	0.71	0.48	0.18	0.15	0.14
LN trong công ty LKLD	3.94	9.95	7.91	8.16	5.25
Chi phí bán hàng	0.67	0.44	0.41	0.29	0.33
Chi phí QLDN	3.72	1.45	1.96	1.09	7.86
LN thuần từ HĐKD	1.30	9.19	5.60	8.15	-3.88
Lợi nhuận khác	-0.12	-0.10	-0.44	0.07	-0.05
LN trước thuế	1.18	9.09	5.16	8.22	-3.93
Lợi nhuận sau thuế	1.18	9.09	5.16	8.22	-3.93
LNST của CĐ cty mẹ	1.19	9.09	5.17	8.22	-3.93

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.52	1.62	0.54	-6.63	53.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.5	20.0	48.2	5.19	-40.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.26	-26.0	-13.2	-37.8	-0.31
Tiền đầu kỳ	10.7	10.6	6.24	41.7	2.53
Lưu chuyển tiền thuần	-0.29	-4.39	35.5	-39.2	12.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.21	0.01	-0.01	-0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	10.6	6.24	41.7	2.53	15.4

(Nguồn: fireant.vn)